

DỰ BÁO LỢI NHUẬN Q4/24: KỶ VỌNG GHI NHẬN TĂNG TRƯỞNG KHỞI SẮC

- Chúng tôi dự báo lợi nhuận toàn thị trường có thể ghi nhận mức tăng trưởng vượt bậc đạt 25% svck trong Q4/2024 (mức cao nhất kể từ Q2/2022) hỗ trợ bởi môi trường lãi suất thấp và sản xuất đang trên đà phục hồi. Theo đó lợi nhuận cả năm 2024 có thể đạt mức tăng 18% svck so với mức giảm 4% của năm 2023, đánh dấu một giai đoạn phục hồi và tăng trưởng bắt đầu.
- Lợi nhuận ngành ngân hàng dự báo tăng trưởng 15% svck và giữ nhịp cho toàn thị trường. Các ngành đạt mức tăng trưởng LN nổi bật gồm Bất động sản (+1005% svck), hàng không (591% svck), bán lẻ (+162% svck) từ nền thấp cùng kỳ.
- Một số ngành ước tính tăng trưởng LN giảm như Khu công nghiệp (-14% svck) do còn đợi hoàn thiện khung chính sách hay dầu khí (-23% svck) do giá dầu suy giảm so với cùng kỳ.

Ngành ngân hàng tăng tốc tăng trưởng tín dụng trong quý cuối năm

MBS Research ước tính LNST Q4/2024 của các ngân hàng theo dõi sẽ tăng trưởng 14.5% svck và 11.1% so với quý trước. Mặc dù ước tính tăng trưởng tín dụng của các ngân hàng trong Q4/2024 sẽ cao hơn so với Q3/2024 nhưng NIM được dự kiến sẽ giảm nhẹ. Thu nhập ngoài lãi được dự báo sẽ suy giảm svck do các hoạt động ngoài lãi vẫn chưa có dấu hiệu hồi phục trong Q3/2024. Chi phí trích lập dự phòng dự báo sẽ cao hơn so với quý trước và tăng nhẹ 1.4% svck trong Q4/2024 do nền so sánh cao quý cuối năm ngoái. Trong danh sách các ngân hàng theo dõi, chúng tôi kỳ vọng OCB TPB VPB có mức tăng trưởng lợi nhuận ấn tượng hơn cả nhờ nền so sánh thấp của năm ngoái khi chịu tác động bởi trích lập dự phòng cao. CTG và TCB là 2 ngân hàng có quy mô lớn được kỳ vọng sẽ có mức tăng khả quan hơn so với các NH cùng quy mô.

Ngành bất động sản nguồn cung tăng trở lại tạo tiền đề cho 2025

Ở thị trường phía Bắc, theo CBRE, nguồn cung căn hộ mới Q4/2024 sẽ ghi nhận thêm hơn 10,000 căn, là nguồn cung cao nhất trong vòng 5 năm qua, chủ yếu tập trung ở phân khúc cao cấp. Nguồn cung mới thấp tầng tại Hà Nội trong Q4/2024 sẽ có thêm gần 5,000 căn mở bán mới, chủ yếu ở phía Tây và phía Đông của Hà Nội. Nguồn cung mới chủ yếu thuộc phân khúc cao cấp, khiến mặt bằng giá bán bình quân tăng lên. Ở thị trường phía Nam, nguồn cung căn hộ trong Q4/2024 tại TP.Hồ Chí Minh dự kiến đạt hơn 3,000 căn hộ, tương đương với khoảng 5,000 căn hộ mở bán mới tính chung cho cả năm 2024. Tính đến hết T11/2024, nguồn cung sơ cấp khu vực phía Nam tăng 5.4% svck, chủ yếu đến từ TP.Hồ Chí Minh và Bình Dương, lần lượt chiếm 60.6% và 35.7%. Nguồn cung thấp tầng Q4/2024 dự kiến ghi nhận 300 căn mở bán mới, góp phần đưa tổng nguồn cung cả năm nay đạt gần 600 căn, chủ yếu đến từ các dự án mới nằm tại rìa khu Đông và khu Tây thành phố nên giá bán dự kiến thấp hơn giá trung bình của thị trường. Ngoài ra, tín hiệu tích cực từ việc gỡ mắc pháp lý sẽ giúp tái khởi động nhiều dự án cũ.

KQKD Q4/24 các doanh nghiệp BĐS sẽ có sự tăng trưởng mạnh, một phần đến từ mức nền thấp cùng kỳ, một phần đến từ khả năng bàn giao tại các dự án lớn. Các doanh nghiệp BĐS phía Bắc như VHM sẽ có thể ghi nhận lợi nhuận cao từ việc bàn giao các đại dự án như Royal Island, Ocean Park 2&3 trong khi các doanh nghiệp BĐS phía Nam sẽ ghi nhận lợi nhuận từ việc bàn giao tại một số dự án nổi bật như Privia (KDH), Akari (NLG), Gem Sky World (DXG).

Trưởng phòng



Nguyễn Tiến Dũng

dung1.nguyentien@mbs.com.vn

Ngành BĐS khu công nghiệp & cao su trên đà khởi sắc trở lại

Dòng vốn FDI có dấu hiệu chững lại trong thời gian gần đây do NĐTNN đang chờ đợi chính sách mới dưới thời Tổng thống Mỹ Trump và chính sách hỗ trợ đầu tư từ Chính phủ Việt Nam để ra quyết định đầu tư. KQKD trong Q4/24 của các doanh nghiệp BĐS KCN có sự phân hóa nhưng nhìn chung vẫn tích cực. Đối với SZC, LN rông có thể tăng 71% svck trong Q4/24 nhờ bàn giao đất cho khách hàng đã ký thuê từ đầu năm. Đối với IDC và BCM, trong Q4/24, LN rông có thể giảm từ mức nền cao của cùng kỳ năm ngoái, lần lượt giảm 69% và 49% svck. Còn với KBC, KQKD Q4/24 tăng trưởng đột biến trên mức nền thấp cùng kỳ năm ngoái nhưng, nhìn chung cả năm, KQKD gây thất vọng do tiến độ bàn giao đất chậm, các dự án trọng điểm chưa hoàn thiện pháp lý như kế hoạch công ty đặt ra. Đối với các doanh nghiệp cao su, giá cao su thế giới trong Q4/24 cao hơn 35-40% svck đã hỗ trợ mạnh cho giá bán trong nước và giá xuất khẩu. Nguyên nhân là do thiếu hụt nguồn cung bởi điều kiện thời tiết không thuận lợi cho thu hoạch tại các nông trường sản xuất chính như Thái Lan, Việt Nam, Trung Quốc. Chúng tôi cho rằng giá cao su TSR20 sẽ tiếp tục neo cao khoảng 1.9-2.0 USD/kg từ nay tới 1H25. Qua đó, chúng tôi dự phóng LN rông của GVR trong Q4/24 tăng 39% svck và cả năm 2024 tăng 47% svck, LN rông của PHR trong Q4/24 tăng 26% svck nhưng cả năm giảm 31% svck.

Ngành vật liệu cơ bản tăng trưởng nhờ nhu cầu nội địa cải thiện

Trong Q4/24 các doanh nghiệp thép được hỗ trợ bởi nhu cầu nội địa tăng trưởng mạnh mẽ khi cuối năm là đợt cao điểm đẩy nhanh các dự án BĐS và đầu tư công. Tuy nhiên, xuất khẩu thép sẽ gặp nhiều bất lợi khi thị trường chính EU đang điều tra CBPG vào HRC cũng như Mỹ dự kiến sẽ tăng cường các biện pháp bảo hộ. Chúng tôi đánh giá, thị trường nội địa sẽ hỗ trợ KQKD của các DN ngành thép trong Q4 khi dự kiến tăng trưởng 17% svck. Bên cạnh đó, biên LN gộp toàn ngành cải thiện nhờ giá nguyên vật liệu như than, quặng giảm lần lượt 17% và 16% trong khi giá thép XD giảm 110% svck. HPG dự kiến ghi nhận LN rông khoảng 3,768 tỷ VNĐ (+25% svck) chủ yếu nhờ biên LN gộp cải thiện 1 điểm % lên khoảng 14% và sản lượng tăng 12% svck. Đối với các DN tôn mạ, LN rông của NKG dự kiến tăng 664% svck nhờ biên gộp cải thiện lên mức 8% (từ khoảng 4.5% của năm 2023) trong khi HSG dự báo LN rông đạt 220 tỷ (+114% svck).

Ngành dầu khí phục hồi so với quý trước nhưng suy giảm so với cùng kỳ

Q4/2024 có thể sẽ là một quý với lợi nhuận phục hồi cho doanh nghiệp ngành dầu khí sau khi trải qua một quý 3 với nhiều thất vọng. Đối với nhóm thượng nguồn, các DN xây lắp dầu khí (như PVS) có thể ghi nhận lợi nhuận tích cực hơn nhờ triển khai các gói thầu (được trao toàn bộ) trong đại dự án Lô B - Ô Môn, các doanh nghiệp khoan và dịch vụ khoan (như PVD) tiếp tục ghi nhận lợi nhuận tích cực khi giá thuê ngày giàn khoan tự nâng duy trì ở mức cao, đồng thời tham gia mảng dịch vụ khoan cho các dự án trong nước. Đối với nhóm vận tải dầu khí (PVT), lợi nhuận kỳ vọng sẽ thấp hơn quý trước do không còn ghi nhận lợi nhuận bất thường từ hoạt động thanh lý tàu, tuy nhiên duy trì ở mức cao nhờ đội tàu mở rộng hơn so với cùng kỳ trong khi giá cước tàu dầu thô và tàu dầu thành phẩm tương đối ổn định. Ở nhóm hạ nguồn, DN lọc dầu (BSR) được kỳ vọng ghi nhận lãi trở lại khi sản lượng tăng sau khi hoàn thành bảo dưỡng, đồng thời giá dầu biến động ổn định hơn và crack spread tham chiếu châu Á không cho thấy dấu hiệu suy yếu thêm. DN phân phối khí (GAS) trong

Q4/2024 có thể ghi nhận giá bán khí thấp hơn svck do mức nền giá dầu thấp hơn, đồng thời sản lượng có thể không quá cao do huy động điện khí thấp; bên cạnh đó các khoản đã trích lập phải thu khó đòi cũng có khả năng không được hoàn nhập. DN kinh doanh xăng dầu (PLX) có thể ghi nhận mức lợi nhuận tích cực hơn so với quý 3 nhờ giá dầu ổn định hơn, từ đó giảm thiểu tác động tiêu cực của độ trễ kỳ điều chỉnh giá bán.

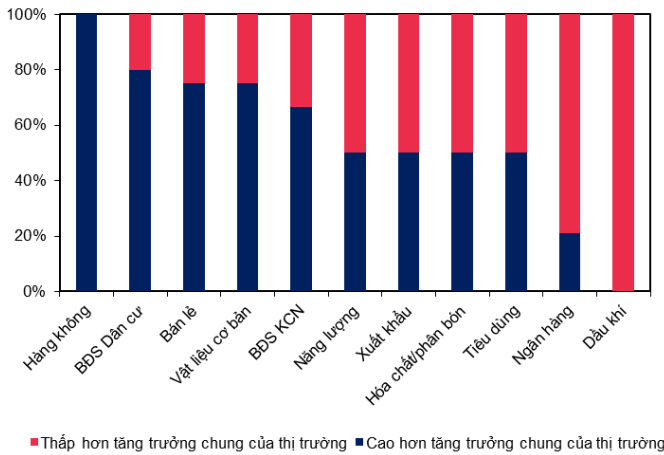
Ngành điện phân hóa chờ đợi khung chính sách hoàn thiện

Nhu cầu điện không còn duy trì mức tăng 2 số trong T10-11, đạt trung bình 7.5% svck, chủ yếu do đây không phải giai đoạn cao điểm nhu cầu điện. Giá thị trường điện cũng duy trì ở mức khá thấp đạt trung bình 1400đ/kWh, không có nhiều dư địa cho nhóm điện giá cao huy động trên thị trường điện. Nhìn chung 11T24, sản lượng điện vẫn tăng 10% svck. Trong Q4/24, thủy điện mặc dù dự kiến ghi nhận tăng trưởng nhẹ tuy nhiên sẽ có sự phân hóa, trong đó nhóm thủy điện khu vực miền Bắc dự kiến sẽ đối mặt với thủy văn kém thuận lợi trong khi nhóm thủy điện khu vực miền Trung, Nam ghi nhận thủy văn hầu hết là đi ngang và cải thiện svck, hỗ trợ các doanh nghiệp như HDG, REE. Đối với điện than, sản lượng cũng ghi nhận tăng trưởng ~16% trong T10-11, chủ yếu do thủy điện tại khu vực miền Bắc kém thuận lợi, theo đó nhóm nhiệt điện than miền Bắc như QTP, HND có thể được hưởng lợi. Đối với điện khí, mặc dù sản lượng điện khí ghi nhận giảm mạnh trong T10-11, chủ yếu do có sự phân hóa huy động. Trong đó, nhóm nhà máy điện khí của POW như Cà Mau 1&2, NT2 đều ghi nhận sự tăng trưởng tốt từ nền thấp. Về chính sách, giai đoạn Q4/24 tiếp tục ghi nhận nhiều thông tin tích cực hỗ trợ nhóm ngành trong việc ban hành các chính sách quan trọng như Luật điện Lực sửa đổi, tính toán sơ bộ của về khung giá điện gió.

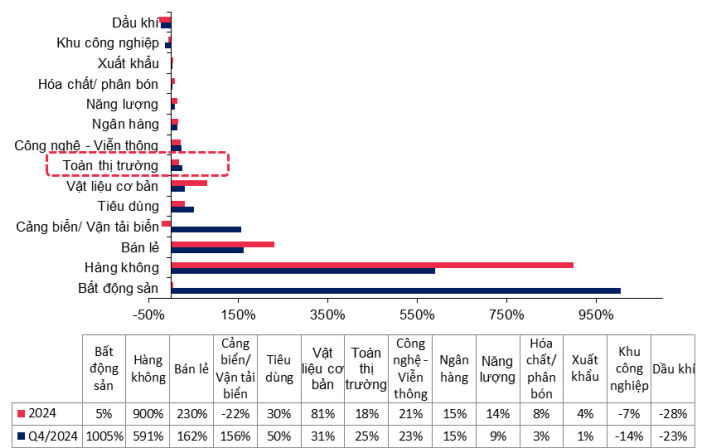
Ngành bán lẻ phục hồi từ nền thấp

Q4/24 là một bức tranh phân hóa giữa các ngành bán lẻ khác nhau. Trong bối cảnh người tiêu dùng vẫn tập trung tiêu thụ các sản phẩm tiêu dùng và chăm sóc sức khỏe, điểm sáng trong Q4/24 tiếp tục là các ngành bán lẻ sản phẩm tiêu dùng và dược phẩm. Chúng tôi nhận thấy ngành bán lẻ dược phẩm hiện đại tiếp đã mở rộng chuỗi, cụ thể như Long Châu ước tính mở thêm 50 nhà thuốc trong Q4/24 với doanh thu/cửa hàng duy trì 1.2 tỷ đồng/tháng và đang tiếp tục mở mạnh trung tâm tiêm chủng nhờ vào thế mạnh vị trí của nhà thuốc Long Châu. Việc mở mới nhanh chóng mạng tiêm chủng có thể khiến cho Long Châu có thêm chi phí mở mới 1 lần và LC ghi nhận lỗ ròng trong quý 4. Ở mặt khác, An Khang sẽ dừng việc đóng các cửa hàng kinh doanh không hiệu quả, tập trung thay đổi danh mục sản phẩm để giúp tối ưu hóa chi phí và giảm lỗ ròng trong Q4/24. Ngoài ra, với mạng bán lẻ tạp hóa tiêu dùng, ước tính BHX cần trọng mở mới thử nghiệm khoảng 35 cửa hàng ở khu vực miền Trung và tiếp tục đà lãi ròng kể từ Q2/24. Chiều ngược lại, ngành bán lẻ hàng điện tử tiêu dùng (MWG, FPT Shop) đã giảm tốc độ đóng cửa hàng, tập trung vào việc gia tăng doanh thu/cửa hàng trong mùa mua sắm cao điểm cuối năm. Việc mức nền giá bán trong năm 2024 tăng khoảng 5-10% cùng với giảm chi phí từ các cửa hàng không hiệu quả sẽ giúp cho TGDD&DMX, FPT Shop tiếp đà tăng trưởng lợi nhuận ròng mạnh mẽ trong Q4/24. Trong mùa cao điểm cuối năm, ngành bán lẻ trang sức (PNJ) tiếp tục đẩy mạnh thành công mạng bán lẻ, đặc biệt là các sản phẩm có tỷ lệ vàng cao (một dòng sản phẩm có thể thay thế cho vàng nhẫn, vàng miếng) giúp cho doanh thu mạng bán lẻ ước tính tăng 16% svck, biên LN gộp ước tính tăng 2đ% svck.

Hình 1: Hàng không, bất động sản dân cư, bán lẻ, vật liệu cơ bản, bất động sản KCN là các ngành có tỷ trọng lớn các doanh nghiệp tăng trưởng lợi nhuận Q4/2024 cao hơn so với thị trường chung



Hình 2: Dự báo tăng trưởng lợi nhuận Q4/2024 và cả năm 2024 các nhóm ngành



Nguồn: MBS dự phóng

Nguồn: MBS dự phóng

Dự báo lợi nhuận ròng Q4/2024 các doanh nghiệp MBS theo dõi

STT	Mã CP	Ngành	Dự báo tăng trưởng LN		Nhận xét
			2024	Q4/2024	
1	OCB	Ngân hàng	↓ -18%	↑ 300%	Mặc dù, chi phí trích lập tiếp tục là gánh nặng của ngân hàng trong quý cuối năm, nhưng so với nền cao của năm ngoái ước tính giảm 33% svck. NIM đi ngang so với Q3/2024 đạt 3.4% nhưng tăng khoảng 100 điểm cơ bản svck. Thu nhập ngoài lãi tiếp tục suy giảm mạnh do các hoạt động thu phí vẫn sẽ còn nhiều thách thức. Tỷ lệ CIR duy trì ở mức cao 40%, cao hơn rất nhiều so với năm 2023. Tuy nhiên, LNST được dự báo tăng khả quan nhờ nền so sánh rất thấp của quý cuối năm ngoái. LNST Q4/2023 giảm 87.6% svck.
2	TPB	Ngân hàng	↑ 28%	↑ 172%	LN ròng tăng trưởng mạnh 172% svck chủ yếu từ mức nền thấp của năm ngoái (TPB đẩy mạnh trích lập dự phòng trong Q4/23). TTTD tăng 4.5% so với Q3/24 trong khi NIM cải thiện nhẹ so với Q3. NIM cả năm 2024 đạt 3.82% trong khi nợ xấu cải thiện 29 dcb về mức 2.04%.
3	VPB	Ngân hàng	↑ 77%	↑ 108%	Tín dụng được thúc đẩy mạnh khoảng 8% so với đầu năm cùng với NIM được duy trì ở mức 6% cho quý cuối năm. Chi phí trích lập dự phòng trong quý giảm 11% svck và tương đương với quý trước. Thu ngoài lãi tương đương với 9T2024. FECredit ước tính ghi nhận khoảng 200 tỷ lợi nhuận trước thuế trong Q4/2024.
4	CTG	Ngân hàng	↔ 14%	↑ 20%	TTTD trong quý cuối năm được dự báo sẽ đạt khoảng 4.5% với NIM giảm nhẹ xuống mức 2.8%. Chi phí trích lập giảm 12.5% svck và giảm 33% so với quý trước do đã tăng cường trích lập mạnh trong 9T2024. Thu nhập ngoài lãi vẫn duy trì tốc độ tăng như trong 9T2024.
5	ACB	Ngân hàng	↔ 5%	↔ 15%	KQKD quý cuối năm chủ yếu được hỗ trợ bởi TTTD khả quan hơn, ước tính khoảng 5% so với đầu năm trong khi NIM giảm xuống mức 3.6-3.7%. Chi phí trích lập đi ngang so với quý trước và svck.
6	TCB	Ngân hàng	↑ 29%	↔ 14%	NIM được duy trì tương đương với 9T2024 ở mức 4.4%. Tăng trưởng tín dụng dự báo sẽ đạt 5-6%. Chi phí trích lập trong Q4/24 dự báo sẽ cao hơn 25% svck nhằm kiểm soát nợ xấu tốt hơn khi tín dụng bán lẻ gia tăng. Thu nhập ngoài lãi giảm tốc so với 9T2024 và được kỳ vọng sẽ đóng góp chủ yếu bởi hoạt động xử lý nợ.
7	BID	Ngân hàng	↔ 11%	↔ 7%	LN ròng tăng 7% svck nhờ TTTD tăng 5% so với quý trước. NIM vẫn duy trì ở mức thấp 2.4% do cung cấp các gói hỗ trợ khách hàng ảnh hưởng bảo YAGI. Nợ xấu cải thiện và giảm về mức 1.4%.
8	VCB	Ngân hàng	↔ 6%	↔ 3%	LN ròng tăng nhẹ so với cùng kỳ năm ngoái nhờ TTTD tiếp tục tăng 4% so với quý trước. NIM kỳ vọng đi ngang so với Q3/24. Chi phí trích lập giảm 13% svck để duy trì đà tăng trưởng LN trong Q4/24.
9	HDB	Ngân hàng	↑ 31%	↔ -5%	TTTD ước tính cuối năm sẽ đạt khoảng 8% ngoài việc được gia tăng thêm hạn mức tín dụng, còn có thêm hỗ trợ tăng trưởng trong việc tiếp nhận tái cơ cấu ngân hàng 0 đồng. NIM dự báo sẽ giảm xuống mức 5.2-5.3% trong quý cuối năm. Chi phí trích lập tiếp tục được duy trì tương đương với quý trước và giảm 16% svck.
10	VIB	Ngân hàng	↓ -18%	↔ -7%	TTTD được cải thiện đáng kể, ước tính tăng 10% so với đầu năm. Tuy nhiên, NIM bị ảnh hưởng nặng khi đạt 3.8% do phải hy sinh lãi suất cho vay nhằm đạt TTTD mục tiêu nhằm đảm bảo một hạn mức tín dụng cao trong năm 2025. Chi phí trích lập ước tính giảm 23% svck và tăng 12% so với quý trước.
11	STB	Ngân hàng	↔ 10%	↔ -13%	TTTD dự báo đạt trên 5% trong quý cuối năm 2024 cùng với NIM giảm nhẹ xuống mức 3.6-3.7%. Thu nhập ngoài lãi vẫn chủ yếu đến từ hoạt động thu phí nhờ mảng cho vay KHDN tương đối ổn định. Chi phí trích lập dự báo tăng gấp đôi svck và tương đương với quý trước.
12	EIB	Ngân hàng	↔ 16%	↓ -24%	LN ròng tương đương Q3/24 và giảm 24% svck chủ yếu do mức nền cao năm ngoái (ghi nhận khoản thu nhập bất thường ở thu nhập khác). TTTD cả năm đạt 15.1%. NIM duy trì tương đương 9T24, đạt 2.91% trong Q4/24.
13	LPB	Ngân hàng	↑ 57%	↓ -36%	LN sụt giảm svck chủ yếu do mức nền cao năm ngoái khi ghi nhận khoản thu nhập từ hợp đồng với bảo hiểm Dai-ichi. NIM giảm nhẹ so với Q3/24 do tiếp tục đẩy mạnh cho vay doanh nghiệp và cạnh tranh về mặt lãi suất giữa các ngân hàng.

STT Mã CP Ngành	Dự báo tăng trưởng LN		Nhận xét
	2024	Q4/2024	
14 MWG Bán lẻ	↑ 2317%	↑ 318%	Động lực chủ yếu đến từ xu hướng phục hồi tiếp diễn của mảng điện tử tiêu dùng (TGDD&DMX) bằng việc đẩy mạnh các chiến dịch bán hàng vào mùa mua sắm cuối năm, bên cạnh đẩy BHX ước tính tiếp tục lãi ròng, tổng kết LN ròng ước tính tăng 318% svck.
15 FRT Bán lẻ	↑ 223%	↑ 296%	Động lực chủ yếu đến từ xu hướng phục hồi của mảng điện tử tiêu dùng (FPT Shop), lợi nhuận ròng của Long Châu sẽ bị ảnh hưởng bởi sự gia tăng chi phí khi FRT mở rộng mạnh mẽ Long Châu trong Q4/24, do đó tổng LN ròng ước tính khoảng 218 tỷ đồng.
16 DGW Bán lẻ	↑ 27%	↑ 78%	Q4/24 ước tính doanh thu tăng trưởng 19% svck nhờ vào việc (1) tăng cơ cấu các sản phẩm FMCGs (có biên cao hơn), (2) hợp tác thêm với MSI nhằm tăng thị phần laptop gaming, (3) tăng danh mục sản phẩm xiaomi. Kết hợp với việc tối ưu CPBH&QLDN từ việc giảm chi phí quảng cáo, hỗ trợ bán hàng cho các nhà bán lẻ sẽ giúp cho lợi nhuận ròng ước tính đạt 148 tỷ đồng (+78% svck)
17 PNJ Bán lẻ	↔ 10%	↑ 23%	Động lực đến từ (1) mùa cao điểm tiêu thụ các sản phẩm trang sức vàng giúp cho doanh thu bán lẻ ước tính tăng 11% trong Q4/24, (2) doanh thu vàng miếng giảm mạnh sau giai đoạn cao điểm của nửa đầu năm 2024 giúp cho biên LN gộp cải thiện ước tính 1.5đ% svck
18 DBC Tiêu dùng	↑ 2687%	↑ 2484%	Q4/24, với động lực chính từ mảng doanh thu mảng chăn nuôi ước tính tăng trưởng 25% svck chủ yếu nhờ giá bán heo hơi trên thị trường trung bình khoảng 63,800 đồng/kg (+25% svck), chúng tôi kỳ vọng lợi nhuận ròng tăng 27 lần svck, ghi nhận 167 tỷ đồng
19 VNM Tiêu dùng	↔ 13%	↔ 17%	Kỳ vọng kỳ tăng giá bán trong quý cuối năm 2024 sẽ giúp biên lợi nhuận gộp cải thiện, cùng với sự phục hồi về nhu cầu sau đợt bão Yaqi sẽ giúp doanh thu nội địa ước tính tăng trưởng 3% svck sẽ giúp cho lợi nhuận ròng ước tính tăng 17% svck
20 PLX Dầu khí	↔ 11%	↑ 22%	Lợi nhuận của hoạt động kinh doanh xăng dầu quay lại mức tích cực so với quý trước khi (1) chi phí định mức kinh doanh xăng dầu được điều chỉnh tăng từ T7/2024, (2) diễn biến giá dầu ổn định hơn và không theo xu hướng giảm mạnh như Q3/2024, kéo theo ảnh hưởng của độ trễ kỳ điều chỉnh giá bán là ít hơn.
21 PVT Dầu khí	↔ 13%	→ -5%	Đội tàu mở rộng hơn svck tuy nhiên giá cước và lợi nhuận có thể đi ngang hoặc giảm nhẹ trong bối cảnh nhu cầu không thực sự mạnh. Q4/24, doanh nghiệp không còn ghi nhận lợi nhuận đột biến từ thanh lý tàu (~ 153 tỷ VND) như Q3 trước đó.
22 GAS Dầu khí	↓ -9%	↓ -18%	Mức nền giá dầu thấp hơn có thể kéo theo giá bán khí thấp hơn, đồng thời sản lượng khí trong Q4 có thể không cao do huy động điện khí thấp. Ngoài ra, các khoản đã trích lập cho phải thu khó đòi liên quan đến các doanh nghiệp Năng lượng Mekong, BOT Phú Mỹ 3 và NMD Phú Mỹ có thể sẽ không được hoàn nhập, thậm chí phải trích lập thêm.
23 PVS Dầu khí	→ -3%	↓ -19%	Lợi nhuận kỳ vọng cải thiện so với quý trước do bắt đầu thực hiện các gói thầu toàn bộ EPC#1 và EPC#2 của chuỗi dự án Lô B - Ô Môn, đồng thời bàn giao các chân đế điện gió cho dự án Changhua. Việc thực hiện các dự án xây lắp dầu khí như Lô B - Ô Môn được kỳ vọng sẽ mang lại biên lợi nhuận gộp tốt hơn so với các dự án điện gió ngoài khơi, kéo theo sự cải thiện trong lợi nhuận.
24 PVD Dầu khí	↔ 9%	↓ -21%	Giá thuê ngày và tỷ lệ tối ưu hóa của các giàn khoan tự nâng đang sở hữu duy trì ổn định tuy nhiên Q4/24 không còn ghi nhận hoạt động của giàn PVD 11 như cùng kỳ năm ngoái, đồng thời chưa ghi nhận giàn tự nâng mới, do đó có thể dẫn đến lợi nhuận giảm svck. Giàn khoan thuê Hakuryu tiếp tục hoạt động cả quý, giàn thuê Borr hoạt động trong tháng 10, tuy nhiên các giàn này không được kỳ vọng sẽ đem lại lợi nhuận đáng kể, ngoài ra việc vận chuyển giàn Borr có thể gây phát sinh chi phí.
25 BSR Dầu khí	↓ -77%	↓ -44%	Kỳ vọng lợi nhuận quay lại mức dương khi: (1) tăng sản lượng do hoàn thành bảo dưỡng, (2) giá dầu thô diễn biến ổn định hơn, không theo xu hướng giảm như Q3/24, crack spread châu Á diễn biến ổn định. T12/2024 vừa qua, BSR đã có quyết định chính thức về việc chuyển sản niêm yết từ UPCoM lên HOSE.
26 KBC Khu công nghiệp	↓ -63%	↑ 440%	Q4/24 KQKD tăng trưởng đột biến trên mức nền thấp cùng kỳ năm ngoái, Nhưng nhìn chung, năm 2024, KQKD không khả quan do tiến độ bàn giao đất chậm, các dự án trọng điểm chưa hoàn thiện pháp lý như kế hoạch ban đầu.
27 SZC Khu công nghiệp	↑ 48%	↑ 71%	Ở mảng BĐS KCN, chúng tôi kỳ vọng công ty bàn giao 7.6 ha đất cho Steel Builder. Còn ở mảng BĐS nhà ở, chúng tôi cho rằng doanh thu bàn giao nhà tại dự án KDC Hữu Phước trong quý cuối năm có thể cao hơn các quý trước
28 GVR Khu công nghiệp	↑ 47%	↑ 39%	Chúng tôi dự phóng LN ròng Q4/24 tăng trưởng 39% svck nhờ giá cao su thế giới neo ở mức cao từ đầu quý tới nay (tăng 35-40% svck)
29 PHR Khu công nghiệp	↓ -31%	↑ 26%	KQKD tích cực nhờ hưởng lợi từ giá cao su tăng cao và có thể ghi nhận lợi nhuận được chia từ cho thuê đất tại KCN VSIP III Bình Dương theo thỏa thuận bồi thường đất ký với VSIP
30 BCM Khu công nghiệp	↓ -27%	↓ -49%	Công ty có thể ghi nhận lợi nhuận từ chuyển nhượng đất tại dự án KDC Hoà Lợi cho IJC trong quý này.
31 IDC Khu công nghiệp	↔ 9%	↓ -69%	Do hợp đồng ký mới trong năm thấp hơn nhiều so với kế hoạch, cuối Q3/24 mới chỉ đạt 45%, nên chúng tôi kỳ vọng công ty bàn giao được khoảng 10 ha đất trong quý này, qua đó tổng diện tích đất KCN bàn giao cả năm đạt 100 ha. Và công ty hạch toán doanh thu còn lại tại dự án KDC Bắc Châu Giang GD1.
32 VHM BĐS dân cư	↔ 6%	↑ 1774%	LN Q4/24 tăng trưởng đột biến trên mức nền thấp cùng kỳ năm ngoái nhờ ghi nhận LN từ dự án Royal Island, OCP2&3, Grand Park và Golden Avenue.
33 KDH BĐS dân cư	↔ 13%	↑ 555%	LN Q4/24 tăng trưởng đột biến 555% svck nhờ bàn giao khoảng 400 căn thuộc dự án Privia (so với số ít sản phẩm thuộc Classia cùng kì)
34 DXG BĐS dân cư	↑ 27%	↑ 168%	LN ròng tăng trưởng nhờ (1) Bàn giao khoảng 200 ô đất nền tại Gem Sky World và (2) chi phí tài chính giảm 30% svck trong bối cảnh lãi suất duy trì ở mức thấp
35 NLG BĐS dân cư	→ 4%	↑ 67%	LN Q4/24 tăng trưởng 67% svck nhờ bàn giao khoảng 450 căn thuộc dự án Akari (so với khoảng 200 căn thuộc dự án Southgate và Izumi cùng kì năm 2023).

STT Mã CP Ngành		Dự báo tăng trưởng LN		Nhận xét	
		2024	Q4/2024		
36	NKG	Vật liệu cơ bản	↑ 415%	↑ 664%	LN ròng tăng 664% so với nền thấp năm 2023 nhờ (1) biên LN gộp tăng 2.0 điểm % svck nhờ giá nguyên liệu giảm 25% (mạnh hơn giá bán ở mức 15%) và (2) sản lượng tăng 13% svck.
37	HSG	Vật liệu cơ bản	↑ 58%	↑ 114%	LN ròng tăng 114% so với nền thấp năm 2023 nhờ (1) sản lượng tăng 20% với đóng góp từ mảng nội địa và (2) biên gộp cải thiện 1.5 điểm % svck.
38	HPG	Vật liệu cơ bản	↑ 89%	↑ 25%	LN ròng tăng trưởng 25% nhờ (1) sản lượng tăng trưởng 15% svck và (2) biên LN gộp cải thiện 1 điểm % trong bối cảnh giá NVL ở mức thấp
39	PTB	Xuất khẩu	↑ 47%	↑ 78%	Lợi nhuận Q4 duy trì đà tăng trưởng mạnh mẽ khi nhu cầu tại thị trường lớn nhất là Mỹ phục hồi tích cực. Đến với 3 tháng cuối năm, thường là mùa cao điểm của mua sắm và tân trang nhà cửa, kết hợp với xu hướng nhập hàng sớm, tích trữ hàng tồn kho của các nhà bán lẻ và nhà sản xuất tại Mỹ để chuẩn bị cho chính sách thuế mới dự kiến được áp dụng vào đầu năm 2025, chúng tôi dự kiến sản lượng tiêu thụ đồ gỗ nội thất và đá ốp lát của PTB duy trì đà tăng trưởng mạnh mẽ, góp phần thúc đẩy doanh thu. Ngoài ra với việc giá gỗ thế giới vẫn trong xu hướng giảm, tạo điều kiện cho nguyên vật liệu đầu vào rẻ hơn, cùng với việc giá cước vận chuyển tiếp tục hạ nhiệt thúc đẩy biên lợi nhuận của PTB được cải thiện.
40	DGC	Hóa chất/ Phân bón	→ 1%	↑ 28%	LN quý 4 cải thiện từ nhu cầu cao từ mảng phốt pho vàng và mở lại lò phốt pho đã bảo dưỡng trong Q4. Mảng phân DAP đóng góp tốt hơn vào doanh thu Q4/24 do Trung Quốc hạn chế xuất khẩu phân DAP.
41	DCM	Hóa chất/ Phân bón	↑ 26%	↓ -32%	Giá ure nội địa trong Q4/2024 ổn định hơn nhưng giá trung bình cũng thấp hơn so với cùng kỳ Q4/2023 khoảng 5%; giá NPL tương đối ổn định. Sản lượng ure tiêu thụ trong T10 và T11 tăng trưởng mạnh so với cùng kỳ (+120%) với đóng góp từ cả tiêu thụ trong nước và nước ngoài. Lợi nhuận có thể chịu áp lực từ chi phí đầu vào khi nguồn cung khí nội khan hiếm.
42	PC1	Năng lượng	↑ 236%	↑ 122%	Triển vọng LN Q4/24 tốt do: 1) Chi phí tài chính của doanh nghiệp có xu hướng giảm ~15-20% so với nền cao năm ngoái, doanh nghiệp cũng hoàn thành tốt các nghĩa vụ trả nợ; 2) Mảng Niken đóng góp LN cao hơn dự kiến, trong Q4/24 tiếp tục xuất thêm một lô quặng ~10 nghìn tấn; 3) Công ty LDLC WP tiếp tục ghi nhận doanh thu từ bản giao Yên Phong IIA. Tuy nhiên, trong Q4/24, áp lực lỗ tỷ giá quay trở lại do doanh nghiệp có dư nợ vay USD lớn.
43	REE	Năng lượng	→ -8%	↑ 40%	Kỳ vọng tăng trưởng LN Q4/24 tích cực đến từ 1) Thủy văn khu vực miền Trung, Nam dự kiến duy trì tích cực trong Q4/24, hỗ trợ các nhà máy lớn của REE; 2) Doanh nghiệp dự kiến đẩy nhanh bản giao The Light Square trong Q4/24; 3) Tòa nhà cho thuê E.Town 6 mới đi vào vận hành từ Q3/24, dự kiến đóng góp thêm cho LN ròng Q4/24.
44	QTP	Năng lượng	→ 12%	→ 4%	Trong tháng 10-11, sản lượng điện than tiếp tục ghi nhận huy động tăng trưởng ~25% svck, chúng tôi kỳ vọng xu hướng tiếp diễn trong cả Q4/24, đến từ thủy văn tại khu vực miền Bắc đáng kém hơn nhiều so với trung bình nhiều năm, hỗ trợ sản lượng huy động nhóm nhiệt điện miền Bắc. Tuy nhiên, LN ròng dự kiến sẽ chỉ tăng nhẹ do chúng tôi thận trọng về biên LN của doanh nghiệp sẽ vẫn duy trì ở mức thấp do giá đầu vào neo cao và giá thị trường điện thấp.
45	HDG	Năng lượng	→ 1%	→ -1%	LN Q4/24 đi ngang svck, chủ yếu do doanh nghiệp lùi thời gian bản giao Charm Villa sang 2025. Chúng tôi kỳ vọng sản lượng thủy điện trong Q4/24 tiếp tục được huy động tốt nhờ thủy văn thuận lợi tại khu vực sẽ là đóng góp chính cho LN của doanh nghiệp
46	POW	Năng lượng	→ 9%	↓ -32%	Về sản lượng, các nhà máy dự kiến đều duy trì tăng trưởng sản lượng tích cực từ nền thấp năm ngoái, hỗ trợ LN gộp tăng trưởng mạnh. Tuy nhiên, áp lực từ các khoản vay USD cùng với tỉ giá tăng mạnh trong Q4 sẽ khiến POW ghi nhận lỗ tỉ giá khá lớn, hiện tại tỉ giá USD/VND đã tăng ~4% so với cuối Q3/24.
47	NT2	Năng lượng	↓ -76%	↓ -60%	Sản lượng huy động của Nhon Trạch 2 có xu hướng cải thiện dần từ mức huy động thấp trong Q1/24, cùng với mức nền thấp trong Q4/23 do đại tu, tuy nhiên biên LN Q4/23 cao đạt ~18% chủ yếu do doanh nghiệp được bù Qc. Trong Q4/24, khả năng được bù Qc không nhiều do giai đoạn này EVN giao sản lượng theo tháng, cập nhật sát với thực tế huy động hơn. Do đó, dự kiến LN ròng giảm ghi nhận giảm 32% svck.
48	HAH	Vận tải biển/ Cảng biển	↑ 50%	↑ 230%	Chúng tôi dự kiến HAH sẽ tiếp tục duy trì mức tăng trưởng mạnh mẽ trong Q4 khi doanh nghiệp thành công mua thêm tàu mới đầu tháng 11 với giá cho thuê là 31,000USD/ngày, cao hơn so với mức giá trung bình của các hợp đồng khác là 16,000USD/ngày. Ngoài ra hưởng lợi từ xu hướng tích trữ hàng tồn kho của các nhà bán lẻ và nhà sản xuất tại Mỹ, nhu cầu vận tải container được dự kiến sẽ tăng cao giúp sản lượng tự khai thác tàu và khai thác cảng của HAH tiếp tục cải thiện mạnh mẽ so với mức nền thấp của năm 2023.
49	GMD	Vận tải biển/ Cảng biển	↓ -35%	↑ 116%	Động lực đến từ tăng trưởng lợi nhuận ở các công ty liên kết (Gemalink, SCS) và mức nền thấp năm ngoái. Quý 4 GMD thường hạch toán chi phí QLDN lớn liên quan đến thương hiệu quả HDKD nên LN có thể giảm so với quý trước.
50	VJC	Hàng không	↑ 537%	↑ 585%	Hoạt động vận tải tiếp tục duy trì tăng trưởng, chi phí nhiên liệu giảm mạnh, ít bị ảnh hưởng từ tỷ giá tăng
51	ACV	Hàng không	↑ 40%	↑ 115%	Khách quốc tế dự báo tăng 40% trong Q4/24 là động lực tăng trưởng chính của lợi nhuận. Đồng Yên Nhật giảm giá hỗ trợ cho doanh thu tài chính trong quý này.
52	HVN	Hàng không	↑ 205%	↑ 102%	LN tăng từ mức nền thấp năm ngoái, dự kiến không có lợi nhuận bất thường hỗ trợ, ghi nhận lỗ tỷ giá khoảng 1000 tỷ trong quý này
53	FPT	Công nghệ - Viễn thông	↑ 22%	↑ 24%	LN duy trì đà tăng trưởng trên 20% nhờ tăng trưởng tốt ở cả 3 mảng trong đó mảng CNTT kỳ vọng tăng trưởng 25% svck.
54	CTR	Công nghệ - Viễn thông	→ 6%	→ 10%	KQKD Q4/24 dự kiến sẽ tiếp tục tăng nhẹ do biên LN giảm. Điều này là do doanh nghiệp đang đẩy mạnh quy mô đầu tư capex cho xây trạm BTS mở rộng hoạt động TowerCo, dự kiến trong 2024 doanh nghiệp sẽ hoàn thành kế hoạch mở thêm 4000 trạm, sẵn sàng cho xu hướng phủ sóng 5G mạnh mẽ từ Q4/24.

MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Khối Nghiên cứu - Công ty Cổ phần Chứng khoán MBS (MBS). Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố song MBS không chịu trách nhiệm hay bảo đảm nào về tính chính xác, tính đầy đủ, tính kịp thời của những thông tin này cho bất kỳ mục đích cụ thể nào. Những quan điểm trong báo cáo này không thể hiện quan điểm chung của MBS và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này được phát hành chung, bất kỳ khuyến nghị nào trong tài liệu này không liên quan đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính và nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nhận cụ thể nào. Báo cáo này và tất cả nội dung là sản phẩm sở hữu của MBS; người nhận không được phép sao chép, tái xuất bản dưới bất kỳ hình thức nào hoặc phân phối lại toàn bộ hoặc một phần, cho bất kỳ mục đích nào mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của MBS.

HỆ THỐNG KHUYẾN NGHỊ ĐẦU TƯ MBS

Khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

Khuyến nghị đầu tư của MBS được xây dựng dựa trên khả năng sinh lời dự kiến của cổ phiếu, được tính bằng tổng của (i) chênh lệch phần trăm giữa giá mục tiêu và giá thị trường tại thời điểm công bố báo cáo, và (ii) tỷ suất cổ tức dự kiến. Trừ khi được nêu rõ trong báo cáo, các khuyến nghị đầu tư có thời hạn đầu tư là 12 tháng.

KHẢ QUAN Khả năng sinh lời của cổ phiếu từ 15% trở lên

TRUNG LẬP Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -15% đến 15%

KÉM KHẢ QUAN Khả năng sinh lời của cổ phiếu thấp hơn 15%

Khuyến nghị đầu tư ngành

KHẢ QUAN Các cổ phiếu trong ngành có khuyến nghị Mua tính trên cơ sở vốn hóa thị trường gia quyền

TRUNG LẬP Các cổ phiếu trong ngành có khuyến nghị Nắm giữ, tính trên cơ sở vốn hóa thị trường gia quyền

KÉM KHẢ QUAN Các cổ phiếu trong ngành có khuyến nghị Bán, tính trên cơ sở vốn hóa thị trường gia quyền

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB (MBS)

Được thành lập từ tháng 5 năm 2000 bởi Ngân hàng TMCP Quân đội (MB) với tên gọi tiền thân là Công ty CP chứng khoán Thăng Long, Công ty CP Chứng khoán MB (MBS) là một trong 6 công ty chứng khoán đầu tiên tại Việt Nam. Sau nhiều năm phát triển, MBS đã trở thành một trong những công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam, liên tục đứng trong Top 10 thị phần tại cả hai Sở Giao dịch (Hồ Chí Minh và Hà Nội).

Địa chỉ:

Tòa nhà MB, 21 Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội

Tel: + 8424 7304 5688 - Fax: +8424 3726 2601

Website: www.mbs.com.vn

KHỐI NGHIÊN CỨU CÔNG TY CPCK MB

Giám đốc Khối Nghiên cứu

Trần Thị Khánh Hiền

Trưởng phòng

Nguyễn Tiến Dũng

Vĩ mô & Chiến lược thị trường

Nghiêm Phú Cường

Ngô Quốc Hưng

Đinh Hà Anh

Võ Đức Anh

Ngân hàng – Dịch vụ Tài chính

Đinh Công Luyện

Nguyễn Đức Hải

Bất động sản

Nguyễn Minh Đức

Lê Hải Thành

Công nghiệp – Năng lượng

Nguyễn Hà Đức Tùng

Phạm Thị Thanh Huyền

Dịch vụ - Tiêu dùng

Nguyễn Quỳnh Ly